

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận cho phép các công trình dự án thực hiện trong năm 2017, cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 578/TTr-STNMT ngày 19/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép các dự án đầu tư đã được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư không có trong Kế hoạch sử dụng đất của cấp huyện năm 2017 được thực hiện trong năm 2017 gồm: 165 công trình, dự án với tổng diện tích 1.075,49 ha (trong đó: 187,29 ha đất trồng lúa; 29,4 ha đất rừng phòng hộ; 858,8 ha đất khác), cụ thể:

- Tại thành phố Thanh Hóa: 29 công trình, dự án; tổng diện tích 34,77 ha (trong đó: 15,27 ha đất trồng lúa; 19,5 ha đất khác).

- Tại thị xã Bim Sơn: 03 công trình, dự án; tổng diện tích 10,5 ha (trong đó: 8,5 ha đất trồng lúa; 02 ha đất khác).

- Tại thành phố Sầm Sơn: 01 công trình, dự án; diện tích 0,52 ha đất khác.

- Tại huyện Đông Sơn: 04 công trình, dự án; tổng diện tích 36,4 ha (trong đó: 11,4 ha đất trồng lúa; 25 ha đất khác).

- Tại huyện Quảng Xương: 08 công trình, dự án; tổng diện tích 45,07 ha (trong đó: 06 ha đất trồng lúa; 39,07 ha đất khác).

- Tại huyện Hoằng Hóa: 20 công trình, dự án; tổng diện tích 78,09 ha (trong đó: 67,94 ha đất trồng lúa; 10,15 ha đất khác).

- Tại huyện Hậu Lộc: 06 công trình, dự án; tổng diện tích 28,2 ha (trong đó: 8,9 ha đất trồng lúa; 19,3 ha đất khác).
 - Tại huyện Hà Trung: 08 công trình, dự án; tổng diện tích 11,98 ha (trong đó: 3,48 ha đất trồng lúa; 8,5 ha đất khác).
 - Tại huyện Nga Sơn: 04 công trình, dự án; diện tích 2,55 ha đất khác.
 - Tại huyện Thiệu Hóa: 05 công trình, dự án; tổng diện tích 1,07 ha (trong đó: 0,45 ha đất trồng lúa; 0,62 ha đất khác).
 - Tại huyện Triệu Sơn: 05 công trình, dự án; tổng diện tích 9,2 ha (trong đó: 8,75 ha đất trồng lúa; 0,45 ha đất khác).
 - Tại huyện Yên Định: 08 công trình, dự án; tổng diện tích 66,78 ha (trong đó: 9,73 ha đất trồng lúa; 57,05 ha đất khác).
 - Tại huyện Tĩnh Gia: 22 công trình, dự án; tổng diện tích 246,69 ha (trong đó: 29,65 ha đất trồng lúa; 29,4 ha đất rừng phòng hộ; 187,64 ha đất khác).
 - Tại huyện Nông Cống: 03 công trình, dự án; tổng diện tích 3,79 ha (trong đó: 1,67 ha đất trồng lúa; 2,12 ha đất khác).
 - Tại huyện Ngọc Lặc: 05 công trình, dự án; tổng diện tích 156,41 ha (trong đó: 5,9 ha đất trồng lúa; 150,51 ha đất khác).
 - Tại huyện Cẩm Thủy: 01 công trình, dự án; diện tích 0,4 ha đất khác.
 - Tại huyện Thạch Thành: 05 công trình, dự án; tổng diện tích 57,84 ha (trong đó: 0,29 ha đất trồng lúa; 57,55 ha đất khác).
 - Tại huyện Vĩnh Lộc: 02 công trình, dự án; tổng diện tích 1,95 ha (trong đó: 0,97 ha đất trồng lúa; 0,98 ha đất khác).
 - Tại huyện Thọ Xuân: 11 công trình, dự án; tổng diện tích 216,7 ha (trong đó: 4,9 ha đất trồng lúa; 211,8 ha đất khác).
 - Tại huyện Như Thanh: 07 công trình, dự án; tổng diện tích 5,4 ha (trong đó: 3,5 ha đất trồng lúa; 1,9 ha đất khác).
 - Tại huyện Như Xuân: 04 công trình, dự án; diện tích 2,71 ha đất khác.
 - Tại huyện Thường Xuân: 03 công trình, dự án; diện tích 58,01 ha đất khác.
 - Tại huyện Lang Chánh: 01 công trình, dự án; diện tích 0,45 ha đất khác.
- (Chi tiết tại Danh mục các công trình, dự án cho phép thực hiện trong năm 2017, cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 cấp huyện kèm theo).*

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn các đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ sử dụng đất, môi trường để được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

2. UBND cấp huyện: Cập nhật các công trình, dự án cho phép thực hiện tại Điều 1 Quyết định này vào điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và cập nhật Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 cấp huyện trình UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật về đất đai; thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai; thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với việc sử dụng đất của các công trình, dự án.

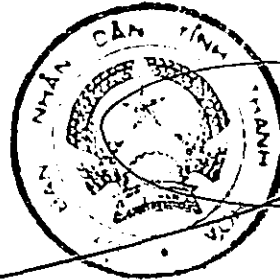
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
 - Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, NN.
- (Đ124)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

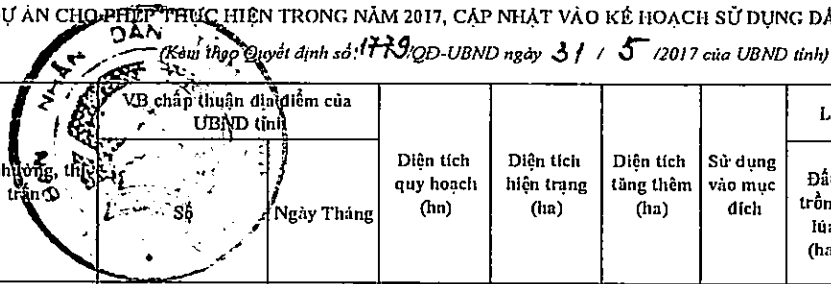
CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO PHÉP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số **1719/QĐ-UBND** ngày **31 / 5 / 2017** của UBND tỉnh)

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Số công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Loại đất theo hiện trạng				Ghi chú
						Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
1	2	3	4=5+6	5	6=8+9+10+11	8	9	10	11	12
I. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất; Quốc phòng, an ninh										
1	Thành phố Thanh Hóa	9	13,26		13,26	0,90			12,36	
2	Thị xã Bim Sơn									
3	Thành phố Sầm Sơn									
4	Huyện Đông Sơn	1	25,00		25,00				25,00	
5	Huyện Quảng Xương									
6	Huyện Hoảng Hóa	9	62,16		62,16	52,39			9,77	
7	Huyện Hậu Lộc	1	0,30		0,30				0,30	
8	Huyện Hà Trung	2	3,34		3,34				3,34	
9	Huyện Nga Sơn	3	2,46		2,46				2,46	
10	Huyện Thiệu Hóa									
11	Huyện Triệu Sơn	2	6,80		6,80	6,40			0,40	
12	Huyện Yên Định	2	65,40		65,40	9,30			56,10	
13	Huyện Tĩnh Gia	16	112,86		112,86	6,15			106,71	
14	Huyện Nông Cống									
15	Huyện Ngọc Lặc	1	150,00		150,00				150,00	
16	Huyện Cẩm Thủy									
17	Huyện Thạch Thành	1	3,80		3,80				3,80	
18	Huyện Vĩnh Lộc									
19	Huyện Thọ Xuân	3	177,07		177,07				177,07	
20	Huyện Như Thanh	1	0,06		0,06				0,06	
21	Huyện Như Xuân									
22	Huyện Thường Xuân									
23	Huyện Lang Chánh									
24	Huyện Bá Thước									
25	Huyện Quan Hóa									
26	Huyện Quan Sơn									
27	Huyện Mường Lát									
2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất										
1	Thành phố Thanh Hóa	20	21,51		21,51	14,37			7,14	
2	Thị xã Bim Sơn	3	13,40	2,90	10,50	8,50			2,00	
3	Thành phố Sầm Sơn	1	0,52		0,52				0,52	

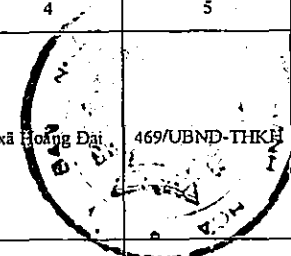
1	2	3	4=5+6	5	6=8+9+10+11	8	9	10	11	12
4	Huyện Đông Sơn	3	11,40		11,40	11,40				
5	Huyện Quảng Xương	8	45,07		45,07	6,00			39,07	
6	Huyện Hoàng Hóa	11	15,93		15,93	15,55			0,38	
7	Huyện Hậu Lộc	5	27,90		27,90	8,90			19,00	
8	Huyện Hà Trung	6	8,64		8,64	3,48			5,16	
9	Huyện Nga Sơn	1	0,09		0,09				0,09	
10	Huyện Thiệu Hóa	5	1,07		1,07	0,45			0,62	
11	Huyện Triệu Sơn	3	2,40		2,40	2,35			0,05	
12	Huyện Yên Định	6	1,38		1,38	0,43			0,95	
13	Huyện Tĩnh Gia	6	133,83		133,83	23,50	29,40		80,93	
14	Huyện Nông Cống	3	3,79		3,79	1,67			2,12	
15	Huyện Ngọc Lặc	4	6,41		6,41	5,90			0,51	
16	Huyện Cẩm Thủy	1	0,40		0,40				0,40	
17	Huyện Thạch Thành	4	54,04		54,04	0,29			53,75	
18	Huyện Vĩnh Lộc	2	1,95		1,95	0,97			0,98	
19	Huyện Thọ Xuân	8	39,63		39,63	4,90			34,73	
20	Huyện Như Thanh	6	5,34		5,34	3,50			1,84	
21	Huyện Như Xuân	4	2,71		2,71				2,71	
22	Huyện Thường Xuân	3	58,01		58,01				58,01	
23	Huyện Lang Chánh	1	0,45		0,45				0,45	
24	Huyện Bá Thước									
25	Huyện Quan Hóa									
26	Huyện Quan Sơn									
27	Huyện Mường Lát									
	Tổng	165	1078,40	2,90	1075,497	187,29	29,40		858,80	

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO PHÉP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 THÀNH PHỐ THANH HÓA



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	Số	Ngày Tháng	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Loại đất theo hiện trạng				Vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
										Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất; Quốc phòng, an ninh						13,26		13,26		0,9			12,36		
1	Trụ sở Cơ quan Điều tra hình sự khu vực I, Quận khu 4	Bộ Tham mưu - Quân khu 4	phường Quảng Thành	3022/UBND-THKH	24.03.2017	0,5		0,5	CQP	0,5				474, 475, tờ bản đồ 01, đo vẽ năm 1993	
2	Trụ sở làm việc của Hạt kiểm lâm thành phố Thanh Hóa	Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa	xã Đông Lĩnh	9334/UBND-THKH	22.08.2016	0,2		0,2	TSC	0,2					
3	Công trình xử lý ngập úng khu phố Yên Vực, phường Tào Xuyên, thành phố Thanh Hóa	UBND thành phố Thanh Hóa	phường Tào Xuyên	1251/UBND-CN	09.02.2017	0,42		0,42	DTL				0,42	Một phần các thửa đất số 346, 348, thuộc tờ bản đồ số 02; một phần các thửa đất số 18, 19, 21, thuộc tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính phường Tào Xuyên, tỷ lệ 1/2.000, lập năm 1996	
4	Chợ kết hợp bãi đỗ xe	Công ty CP Tập đoàn Cường Minh	phường Phú Sơn và phường Đông Thọ	780/QĐ-UBND	15.03.2017	0,5		0,5	DCH, DGT	0,2			0,3	Thửa 11, 12, 19, 24, 25, 30, 34, tờ 14 BD Phú Sơn 2011; Thửa số 33, 34, 41, 42, 25, 47, 48, 49, 52, 54 BD Đông Thọ 2011 Thửa 9-12, 14, 20-22, 24, 96 một phần 12, 23 BD Đông Thọ	
5	Khu thể thao	Công ty cổ phần Viễn thông Việt Hùng	phường Đông Vệ	1361/UBND-NN	13/02/2017	0,47		0,47	DTT				0,47	Thửa số 161, tờ số 75, đo vẽ năm 2011	
6	Khu dân cư tái định cư xã Đông Tân	UBND thành phố Thanh Hóa	xã Đông Tân	3501/UBND-CN	04.05.2017	5,1		5,1	ODT				5,1		
7	Dự án Sky Park Complex - Khu đô thị sinh thái Núi Long	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lam Sơn	phường Tân Sơn, phường Đông Vệ	113/QĐ-UBND	11.01.2017	1,35		1,35	ODT				1,35	1,3, 4, 5, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 tờ số 18, BDDC 2011, tỷ lệ 1/2000	
8	Bến thủy nội địa	Công ty CP ĐTXD và TM Sơn Vũ	xã Hoàng Đại	636/QĐ-UBND	01.03.2017	4		4	DGT				4	Tờ số 07 Bản đồ địa chính xã Hoàng Đại	
9	Dự án nhà ở xã hội cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh Thanh Hóa	Công ty CP Đầu tư và XD HUD 4	phường An Hoạch	11839/UBND-THKH	14.10.2016	0,72		0,72	ODT				0,72		
2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						21,51		21,51		14,366			7,144		
1	Xưởng chế biến giấy tái sinh Hoàng Đông	Công ty TNHH Hoàng Đông	xã Hoàng Anh	4751/QĐ-UBND	09.12.2016	0,5		0,5	SKC	0,5				Thửa 41, 42 tờ số 10; thửa 5 tờ số 12 BDDC Hoàng Anh 1996	
2	Cửa hàng xăng dầu	Công ty cổ phần Thương mại Trường Xuân	Km 1+145 phải tuyến Đại lộ Nam Sông Mã, phường Nam Ngạn	4841/QĐ-UBND	15.12.2016	0,084		0,084	TMD				0,084	Các thửa đất số 10, 38, 58 tờ bản đồ số 35, bản đồ địa chính phường Nam Ngạn, tỷ lệ 1/2000, đo vẽ năm 2011	

1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
3	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Thành Trang	Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh thương mại Thành Trang	phường Quảng Thắng	4360/QĐ-UBND	07.11.2016	0,32		0,32	TMD	0,32				483, 502, 503, 519, 520 và một phần các thửa đất số 456, 482, 504, 505, tờ bản đồ số 16	
4	Bãi đỗ xe và sửa chữa, bảo dưỡng xe	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng APT	phường Quảng Hưng	328/QĐ-UBND	25.01.2017	0,4		0,4	TMD	0,4				388, 389, 390, 391, 392, 393, 420, 421, 422, 423, 424, 425, 453, 454, 455, 456, 491, một phần 326, 428, 457, 490, 513, 514, 492, 420 tờ 26 BD ĐC 2012	
5	Kinh doanh kho bãi và vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Công ty TNHH Vận tải Hoàng Long Thanh Hoá	phường Táo Xuyen	428/QĐ-UBND	09.02.2017	1,25		1,25	TMD				1,25	Lô C16 KCN Hoàng Long GD 1	
6	Trang trại sản xuất nông nghiệp	hộ ông Nguyễn Văn Thành	phường Đồng Cương	626/QĐ-UBND	01.03.2017	2,1		2,1	NKH	2,1				324-331, 311, 348-353, 362, 364-368, 388-398, 409-411, 430-431, một phần 313, 332, 333, 354, 355 tờ số 09, BD 2011	
7	Khu dịch vụ TM sửa chữa ô tô Việt Hưng	Công ty TNHH TM DV TH Việt Hưng	phường Quảng Thắng	758/QĐ-UBND	13.03.2017	0,5		0,5	TMD	0,5				Thửa 67, 86, 85, tờ số 14; thửa 142, 160, 159, 161, 158, 177, 176, 191 tờ số 15 BD ĐC 2010	
8	Nhà máy sản xuất phân bón Sao Nông	Công ty Cp Sản xuất và Thương mại tổng hợp Cường Phát	xã Đồng Tân	782/QĐ-UBND	15.03.2017	1,2		1,2	SKC	1,2				thửa số 35, 222, 223, 249, 251,, 252, 271, 272, 273, ,274, 275, 284, 285 tờ 17 BD ĐC 2012	
9	Nhà máy vật liệu xây dựng	Công ty CP Xây dựng và Đầu tư phát triển DIC Hà Nội	xã Hoàng Anh	4093/QĐ-UBND; 4935/QĐ-UBND	21/10/2016; 22/12/2016	1		1	SKC	1				Một phần các thửa đất số 41, 42 tờ bản đồ số 10, BDĐC xã Hoàng Anh do vẽ năm 1996	
10	Cửa hàng xăng dầu tại khu đô thị sinh thái núi Long, phường Đông Vệ	Công ty CPTM Xăng dầu Xuân Hương	phường Đông Vệ	2870/QĐ-UBND 2612/UBND-KTTC	02/08/2016 14/3/2017	0,186		0,186	TMD	0,186				Trong khu đô thị sinh thái núi long	
11	Cửa hàng xăng dầu Đông Hải	Công ty TNHH Xăng dầu Huy Anh	phường Đông Hải	474/QĐ-UBND	14.02.2017	0,15		0,15	TMD	0,15				thửa 136, 157, 181, 182, tờ số 02, bản đồ địa chính phường Đông Hải	
12	Quỹ tín dụng nhân dân Quảng Thành	Quỹ tín dụng nhân dân Quảng Thành	phường Quảng Thành	5003/QĐ-UBND	26/12/2016	0,32		0,32	TMD	0,06			0,26	các thửa đất số 58, 78, 92, 93, 121, 77, 137 tờ bản đồ số 39, bản đồ địa chính phường Quảng Thành tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2012	
13	Chợ Quảng Thành	Công ty cổ phần xây dựng cầu đường 5	phường Quảng Thành	3919/QĐ-UBND	10.10.2016	1,2		1,2	DCH	1,2				Các thửa đất số 68, 69, 80, 82, 99, 100, 101, 117, 118, 119, 120, 121, từ thửa đất số 146 đến 154, từ thửa đất số 182 đến thửa số 184 tờ bản đồ số 46, bản đồ địa chính phường Quảng Thành tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2012	
14	Văn phòng làm việc, kho chứa hàng hóa và giới thiệu sản phẩm	Công ty TNHH An Phát	phường Phú Sơn	5004/QĐ-UBND	26/12/2016	0,1		0,1	TMD				0,1	Thửa đất số 113 tờ bản đồ số 42 bản đồ địa chính phường Phú Sơn, tỷ lệ 1/500 đo vẽ năm 2011	
15	Cửa hàng xăng dầu	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng TVN	phường Quảng Thành	1138/QĐ-UBND	13/4/2017	0,73		0,73	TMD				0,73	các thửa đất số 48, 53, 58, 57, 60, thuộc tờ bản đồ số 10 và các thửa đất số 2, 3, 60 tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính phường Quảng Thành, tỷ lệ 1/1000 đo vẽ năm 2012	
16	Khu kinh doanh dịch vụ thương mại và Văn phòng cho thuê Hưng Thịnh	Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế Đầu tư và Xây dựng Hưng Thịnh	phường Quảng Thắng	2437/QĐ-UBND	07.07.2016	0,36		0,36	TMD	0,36				Các thửa đất số 53, 74, 92, 91, 72, 73, tờ bản đồ số 9 bản đồ địa chính phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỷ lệ 1/1000, đo vẽ năm 2010	

1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
17	Trồng rau an toàn và Khu ươm trồng thực nghiệm công nghệ cao	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Thương mại An Đại Việt	 xã Hoàng Đại	469/UBND-THKH	16.01.2015	4,72		4,72	NKH				4,72	Thửa số 29, 60, 61, 62, 82, 83, 84, 99, 100, 150, 151, 176, 201, 212, 213, 218, 222, 223, 224, 239, 240, 241, 252, 255, 256, 260, 261, 264 tờ bản đồ số 03A, Bản đồ đối diện đồn thừa lãn 01 xã Hoàng Đại, tỷ lệ 1/2.000, đo đạc năm 2001	
18	Dây chuyền sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn công nghệ rung ép	Công ty cổ phần Đầu tư 289	xã Đông Vinh	1162/QĐ-UBND	14.04.2017	4,91		4,91	SKC	4,91				Thửa đất số 392, 393, 394, 410, 396, 408, 1407, 425, 406, 405, 398, 426, 427, 404, 429, 432, 360, tờ số 8 và các thửa số 4, 5, 6, một phần các thửa số 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 578, 34, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 56 tờ số 9, bản đồ địa chính xã Đông Vinh tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2012	
19	Xây dựng Khu thương mại dịch vụ tổng hợp và sửa chữa ô tô Đại Việt	Công ty TNHH Đại Việt	phường Quảng Thành	2160/QĐ-UBND	22/6/2016	1,05		1,05	TMD	1,05				Tờ bản đồ số 37 bản đồ địa chính phường Quảng Thành, tỷ lệ 1/2000, đo vẽ năm 2012	
20	Xây dựng Trung tâm thương mại và dịch vụ tổng hợp	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Minh Thụ	phường Quảng Thánh	2237/QĐ-UBND	27/6/2016	0,43		0,43	TMD	0,43				Thửa 102, 123, 124, 125, 126, 122, 156, 157, 158, 155, 187, 188, 186, 185, 218, 217, 247, 100, 121, 120, 154, 153, 152, 184, 183, 182 tờ bản đồ số 46 bản đồ địa chính phường Quảng Thành, tỷ lệ 1/2000, đo vẽ năm 2012	
29	Tổng					34,77		34,77		15,27			19,5		

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHỖ PHÉP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 THỊ XÃ BÌM SƠN

(Kèm theo Quyết định số: 1779/QĐ-UBND ngày 31 / 5 /2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	Vị trí chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						13,4	2,9	10,5		8,5			2		
1	Nhà máy sản xuất gạch Tuynel hai lỗ công nghệ cao	Công ty CP sản xuất xây dựng và thương mại Long Thành	phường Đông Sơn	5104/QĐ-UBND	30.12.2016	8		8	SKC	8				thửa 123, 137 tờ số 224515-7, thửa số 168, 172, 174, 175, 176, 177, 193, 192, 191, 190, 195 a tờ số 224515-8	
2	Nhà máy sản xuất vật liệu nung trang trí tại thị xã Bim Sơn (giai đoạn 3)	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Lam Sơn	phường Lam Sơn	454/UBND-NN	11.01.2017	4,9	2,9	2	SKC				2		Công ty đang được thuê theo QĐ số 2229/QĐ-UBND ngày 18/7/2002
3	Văn phòng giao dịch kết hợp bãi tập kết xe	Công ty Kinh doanh Than Thanh Hóa	phường Đông Sơn	1096/QĐ-UBND	04.12.2017	0,5		0,5	TMD	0,5				các thửa đất số 3, 4, 19, 20, 23, 24a, 24b, 25, 26, 27, 28, 29, 30, tờ bản đồ số 224515-7, bản đồ địa chính phường Lam Sơn cũ - nay là phường Đông Sơn, tỷ lệ 1/2000, do vẽ năm 1996	
3	Tổng					13,4	2,9	10,5		8,5			2		

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO PHÉP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 THÀNH PHỐ SÀM SƠN

Kiểm tra Quyết định số: 1779/QĐ-UBND ngày 31 / 5 /2017 của UBND tỉnh

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	VB chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				Vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
I. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						0,52		0,52					0,52		
1	Khu thương mại, dịch vụ	Công ty CP Cường Thịnh	phường Quảng Cư	2119/QĐ-UBND	04.07.2016	0,52		0,52	TMD				0,52	Thửa số 465 đến 576, tờ số 23	
1	Tổng					0,52		0,52					0,52		

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO PHÉP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN ĐÔNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số: 1779/QĐ-UBND ngày 31 / 5 /2017 của UBND tỉnh)

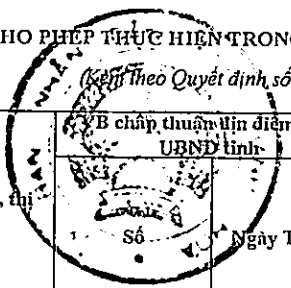
STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Việc chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh			Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				Vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất; Quốc phòng, an ninh						25		25					25		
1	Nhà máy xử lý rác thải	Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ môi trường ECOTECH và Công ty TNHH Điện hơi công nghiệp Tín Thành	xã Đông Nam	3841/QĐ-UBND	05.10.2016	25	DRA	25					25		Tăng diện tích theo Thông báo số 72/TB-UBND ngày 21/4/2017 của UBND tỉnh
2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						11,4		11,4		11,4					
1	Cửa hàng xăng dầu	Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Thực Hăng	xã Đông Hoàng	4668/QĐ-UBND	30.11.2016	1	TMD	1		1				1079, 1068, 1225, 1102, 1103, 1115, 1135, 1153 tờ 08, BĐ Đông Hoàng 2012	
2	Nhà máy May Đông Sơn	Công ty TNHH Thiệu Đô	xã Đông Tiến	486/QĐ-UBND	15.02.2017	9,9	SKC	9,9		9,9				Tờ số 11, BDDC 2012	
3	Xưởng cán tôn và kinh doanh vật liệu xây dựng Đức Tâm	Công ty TNHH May Đức Tâm	xã Đông Văn	3414/QĐ-UBND	08.09.2016	0,5	SKC	0,5		0,5				Một phần thửa số 12, 14, tờ bản đồ số 16, một phần thửa số 30, tờ bản đồ số 13, một phần thửa số 32, 33 tờ bản đồ số 17, một phần thửa số 425, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính xã Đông Văn đo vẽ năm 2012	
4	Tổng					36,4		36,4		11,4			25		

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO BIẾN ĐỔI SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN QUẢNG XƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số: **1779** /QĐ-UBND ngày **31** / **5** /2017 của UBND tỉnh)

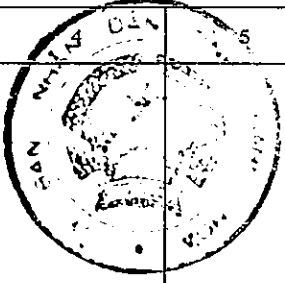
STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	Số	Ngày Tháng	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
										Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						45,07		45,07		6			39,07		
1	Mô hình trồng rừng công nghệ cao và phát triển trang trại tổng hợp	Liên danh Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng và thương mại Hoàng Kim và Công ty TNHH Luân Nhuận	xã Quảng Thạch	4893/QĐ-UBND	19.12.2016	21,68		21,68	NKH				21,68	thửa số 121, tờ số 01, BD DC, 1994	
2	Nâng cấp cửa hàng xăng dầu	Công ty TNHH Hoàng Dương Anh	xã Quảng Phong	432/QĐ-UBND	10.02.2017	0,04		0,04	TMD				0,04	thửa số 224, tờ số 02, BDDC	
3	Nhà máy sản xuất gạch tuynel độ rộng cao	Công ty cp SX XD và TM Long Thành	xã Quảng Bình	717/QĐ-UBND	09.03.2017	6		6	SKC	6				21, 169, 170, 71, 213, 214, 215, 216, 246, 247, 304, 355, 404, 456, 149, 212, 249, 210, 211, 248, 354, 378, 429, 454, 122, 172, 209, 208, 303, 302, 328, 379, 403, 430, 123, 148, 206, 205, 251, 250, 252, 253, 956, 299, 300, 301, 330, 331, 332, 353, 402, 431, 451, 432, 147, 146, 173, 204, 254, 255, 145, 124, 174, 207, 175, 176, 125, 144, 177, 178, 179, 180, 126, 127, 128, 129, 130, 143, 193, 194, 203, 202, 201, 943, 200, 958, 199, 198, 197, 196, 195, 266, 960, 269, 963, 256, 257, 258, 259, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 267, 268, 270, 271, 272, 273, 298, 297, 296, 295, 294, 293, 962, 292, 291, 290, 965, 289, 953, 952, 288, 287,	
4	Mở rộng Nhà máy sản xuất giấy dếp gia công xuất khẩu	Công ty TNHH Alina Việt Nam	xã Quảng Phong	1222/QĐ-UBND	07.04.2016	1,2		1,2	SKC				1,2	một phần thửa số 343 tờ số 13 BD DC 2013	
5	Xưởng chế biến lâm sản	Tổng Công ty Đầu tư xây dựng và Thương mại Anh Phát- CTCP	thị trấn Quảng Xương	2470/QĐ-UBND	10.03.2017	0,76		0,76	SKC				0,76		
6	Khu du lịch sinh thái Bình Dương	Doanh nghiệp tư nhân Khách sạn Bình Dương	xã Quảng Lưu	8601/QĐ-UBND	17.09.2014	5,8		5,8	TMD				5,8		
7	Khu du lịch sinh thái Quảng Lưu	Trại giam Thanh Lâm	xã Quảng Lưu	8601/QĐ-UBND	17.09.2014	7,59		7,59	TMD				7,59		
8	Nhà hàng Thương Hà	Công ty TNHH Thương mại và Phát triển du lịch Thương Hà	xã Quảng Trung	1341/QĐ-UBND	26.04.2017	2		2	TMD				2	các thửa đất số 435, 436, 434, 432, 437, 430, 429, 431, 428, 588, 317, 427, tờ 06, BD DC xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỷ lệ 1/2.000, năm 2002	
8	Tổng					45,07		45,07		6			39,07		

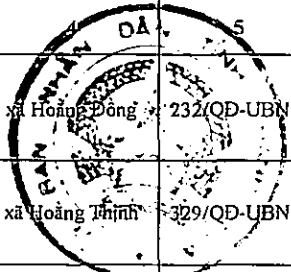
CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO PHÉP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN HOÀNG HÓA



(Kế hoạch theo Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 31 / 5 /2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	Số		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				Vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất; Quốc phòng, an ninh						62,16		62,16		52,39			9,77		
1	Đền thờ Cao Các Đại Vương	UBND huyện Hoàng Hóa	xã Hoàng Thành	14956/UBND-VX	28.12.2016	0,0184		0,0184	TIN				0,0184		
2	Khôi phục và Mở rộng Chùa Thiên Vương	UBND xã Hoàng Lộc	xã Hoàng Lộc	4472/QĐ-UBND	18/11/2016	1,36		1,36	TON	1			0,36	một phần các thửa đất số 6, 7, 8, 9, 10, 16, 17, 18, 19, 20, 21 tờ bản đồ số 23; một phần các thửa đất số 206, 188, 187, 186, 185, 149 tờ bản đồ số 21 và các thửa đất số 163, 164, 165, 183, 184, 166 tờ bản đồ số 21, bản đồ địa chính xã Hoàng Lộc, tỷ lệ 1/2000, đo vẽ năm 2014	
3	Trung tâm sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện giao thông, thiết bị nghiệp vụ	Công an tỉnh Thanh Hóa	xã Hoàng Đồng	822/UBND-THKH	20.01.2017	1,5		1,5	CAN	1,5				tờ số 03, 11 BĐ ĐC năm 2014	
4	Đền thờ Thái Bảo Thọ Quận Công Cao Tư	UBND xã Hoàng Phúc	xã Hoàng Phúc	372/QĐ-UBND	06.02.2017	1,1		1,1	TIN				1,1	thửa số 210, tờ số 06 BĐ ĐC Hoàng Phúc; thửa 208, 209, 210, 211, 225, 226, 227, 228, 229, 230, 231, 233, tờ số 3, BDDC Hoàng Đạo	
5	Mở rộng chùa Trào Âm	Chùa Trào Âm	xã Hoàng Lưu	916/QĐ-UBND	30.03.2017	0,48		0,48	TON				0,48	233, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 260, 261 tờ số 28, BDDC xã Hoàng Lưu, đo vẽ năm 2015	
6	Cụm Công nghiệp Bắc Hoàng Hóa	Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Thanh Hóa	xã Hoàng Kim và xã Hoàng Phú	1085/QĐ-UBND	11.04.2017	50		50	SKN	49,06			0,94	tờ 14 xã Hoàng Kim; tờ 02, 06 Hoàng Phú	
7	Mở rộng Chợ Bến	Hợp tác xã Sản xuất kinh doanh dịch vụ thương mại Duy Lợi	xã Hoàng Phú	864/QĐ-UBND	24.03.2017	0,15		0,15	DCH	0,15				178, 198, 199, 201, 202, 203, 216, 217, 218, 219, 220, 221, 238, 239, 240, 241, 242 tờ 38 BĐ 2015	

1	2	3			6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
8	Nhà máy xử lý Hệ thống nước sạch nông thôn	Công ty cổ phần Việt Thanh VnC		xã Hoàng Thịnh	1242/QĐ-UBND	20/4/2017	4,55	4,55	DTL				4,55	được xác định tại các thửa đất số: 201, 202, 225, 223, 224, 226, 227, 228, 229, 249, 250, 557, 247, 558, 248, 270, 269, 268, 271 đến 274, 301, 302, 303, 296 đến 300, 322 đến 326, 347 đến 353, 378 đến 385, 573, 408 đến 416, 442 đến 446, 462 đến 467, 491 đến 495, 528 đến 535, 545 đến 551, 230, 231, 251, 252, 275, 304, 327, 354 đến 358, 387, 386, 417 đến 421, 448, 447, 468, 496 đến 498, 536, 537, 552, 553, 554, 469, 470, 499 đến 501 thuộc tờ số 31, bản đồ địa chính xã Hoàng Lộc, tỷ lệ 1/1000, do vẽ năm 2014	
9	Mở rộng Chùa Hồi Long	Chùa Hồi Long	xã Hoàng Thanh	2338/UBND-NN	08.03.2017	3		3	TON	0,68			2,32	thửa đất số 165, tờ số 5, thửa đất số 27, 52, 53, 54, 55, 68, 67, 69, 70, 86, 85, 87, 88, 89, 90, 104, 103, 108, 107, 106, 105 tờ số 4 và thửa số 203, 205, 204, 251, 250, 249, 252, 253, 306, 305, 304, 303, 308, 307, 309, 360, 361, 365, 364, 363, 370, 391, 201, 202, 209, 208, 207, 206, 245, 246, 247, 248, 256, 257, 254, 255, 299, 300, 301, 302, 303, 304, 305, 306, 307, 308, 309, 310, 311, 313, 463, 356, 362, 366, 367, 368, 369, 371, 390 tờ số 5, BĐ ĐC Hoàng Thanh do vẽ 2015 tỷ lệ 1/2000	
2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						15,93		15,93		15,55			0,38		
1	Khu tổ hợp dịch vụ - thương mại tổng hợp kết hợp vui chơi, giải trí	Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng Đồng Dương	xã Hoàng Minh	4032/QĐ-UBND	17.10.2016	1		1	TMD	1				Các thửa số 88, 89, 90, 346, tờ số 7, Bản đồ địa chính xã Hoàng Minh, tỷ lệ 1/2000, do vẽ năm 1996	
2	Nhà máy đóng thùng ở tô (cơ sở II)	Công ty Cổ phần Cơ khí ở tô 19/5	xã Hoàng Quý	4678/QĐ-UBND	01.12.2016	0,67		0,67	SKC	0,67				số 76, 79 tờ số 06 BDDC 1996	
3	Khu kinh doanh nhà nghỉ, nhà hàng, dịch vụ karaoke và thương mại tổng hợp	Công ty TNHH Lâm Sĩ	xã Hoàng Đồng	4679/QĐ-UBND	01.12.2016	0,58		0,58	TMD	0,58				180, 63, 164, 181, 182, 199, 166, 272, 197, 205, 198, 206, 214, 167, 273, 204 tờ số 3, BĐ ĐC 2014	
4	Văn phòng, khu trưng bày giới thiệu sản phẩm đồ gỗ nội thất, đồ gỗ mỹ nghệ	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Giang Vy	xã Hoàng Thịnh	4517/QĐ-UBND	22.11.2016	0,6		0,6	TMD	0,6				40, 41, 34, 35- 38, 42 -47, 66, 67, 84, 85, 86 tờ số 10, BĐ ĐC xã Hoàng Thịnh 2014	

1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
5	Tổ hợp thương mại dịch vụ Ngọc Anh	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Tổng hợp Ngọc Anh	 xã Hoàng Đông	232/QĐ-UBND	20.01.2017	0,82		0,82	TMD	0,82				158, 157, 159, 167, 168, 183, 184, 185, 186, 197, 198, 199, 200, 208, tờ 11, BD DC 2014 tỷ lệ 1/1000	
6	Khu dịch vụ Thương mại tổng hợp Thanh Hương	Công ty CP nước mắm Thanh Hương	xã Hoàng Thịnh	329/QĐ-UBND	25.01.2017	0,5		0,5	TMD	0,5				167, 179, 180, 181, 190, 192, 203, 204, 205, 206, 207, 215, 191 tờ 15 BD DC2014	
7	Nhà máy dệt may DHA Hoằng Hóa	Công ty TNHH DHA Hoằng Hóa	xã Hoàng Kim	405/QĐ-UBND	08.02.2017	5		5	SKC	5				thửa số 111, 121c, 124b, 125a, 125b, 126, 128b, 130, 132, 131, 133, 134, 135, 136, 194, 197, một phần 108, 109, 110, 112, 121b, 122a, 122b, 122c, 123b, 124a, 190, 191, 192, 193, 195, 196, tờ số 17, BDDC 1996	
8	Khu dịch vụ thương mại	Công ty TNHH Châu Quý	xã Hoàng Thịnh	865/QĐ-UBND	24.03.2017	0,75		0,75	TMD	0,37			0,38	313, 314, 338, 378, 379, 380 tờ 26 và các thửa đất số 83, 84, 85, 92, 93, 101, 111, 112 thuộc tờ bản đồ số 27, BD DC xã Hoàng Thịnh, đo vẽ năm 2014	
9	Chợ kết nối cung cầu hàng nông sản sạch Thanh Hóa	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Minh	Hoằng Thịnh	1161/QĐ-UBND	14.04.2017	3,6		3,6	DCH	3,6				các thửa đất số 189, 191, 205, 206, 207, 218, 219, 221, 220, 233, 234, 235, 245, 246, 247, 248, 261, 262, 263, 272, 273, 274, 275, 285, 286, 287, 288, 289, 299, 302, 301, 314, 298 tờ số 09; các thửa đất số 62, 64, 81, 82, 87, 88, 86, 98, 97, 96, 110, 109, 108, 130, 142, 141, 158, 171, 159, 160 tờ số 10; các thửa đất số 13, 12, 25, 24, 40, 26, 27, 41, 42, 43, 44, 45, 15, 17 tờ số 14; các thửa đất số 01,	
10	Trang trại chăn nuôi lợn, gia cầm, nuôi trồng thủy sản và trồng cây ăn quả	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Du lịch Thái Sơn	xã Hoằng Xuân	3991/QĐ-UBND	14/10/2016	1,53		1,53	NKH	1,53				Các thửa số 36, 37, 38, 39 tờ số 14, Bản đồ địa chính xã Hoằng Xuân, đo vẽ năm 1996	
11	Cửa hàng xăng dầu	Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Nghi Sơn	xã Hoàng Quý	1462/QĐ-UBND	05.05.2017	0,88		0,88	TMD	0,88				tại các thửa đất số 98, 99, 100, 172, 173, 174, 175, tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính xã Hoàng Quý, tỷ lệ 1/2000, đo vẽ năm 1995	
20	Tổng					78,09		78,09		67,94			10,15		

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHỜ PHÉP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN HẬU LỘC

(Kèm theo Quyết định số ~~1719~~ /QĐ-UBND ngày **31/5** /2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	VB chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
t. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất; Quốc phòng, an ninh						0,3		0,3					0,3		
1	Khôi phục, tôn tạo Chùa Thiên Ân	UBND xã Lộc Tân	xã Lộc Tân	455/QĐ-UBND	13.02.2017	0,3		0,3	TON				0,3	số 1510, 1530, tờ số 9; 01, 12, 13, 14, 26, 27, 28, 29, tờ số 11 BĐ ĐC 2004	
2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						27,9		27,9		8,9			19		
1	Khu kinh doanh vật liệu xây dựng và sản xuất gạch không nung Phú Quý	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Quý	xã Phú Lộc	404/QĐ-UBND	08.02.2017	1		1	SKC	1				54, 79, 80, 81, 60, 59, 58, 98, 97, 96, 95, 94, 93, 92, 91 tờ số 03, BDDC 2005	
2	Mở rộng Nhà máy may BTM	Công ty cổ phần BTM	xã Hoa Lộc	1037/QĐ-UBND	04.05.2017	2		2	SKC	2				102, 155, 156, 183, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 141a, 142, 143, 99, Số 100, 101, 144, 145, 154, 100, 99, 146, 153, 152, 185, 186, 209, 210, 211, 219, 256, 220, 287, 208, 207, 206, 188, 221, 205, 255, 204, 189, 184, 203, 203a, 202, 201, 200, 222, 190 tờ bản đồ số 17 bản đồ địa chính xã Hoa Lộc, tỷ lệ 1/2000, đo vẽ năm 2004	
3	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt và công nghiệp	Công ty cổ phần Môi trường Vạn Tiến Lộc	xã Tiến Lộc	1209/QĐ-UBND	18/4/2017	5,5		5,5	DRA	5,5				Tờ bản đồ số 07, bản đồ địa chính xã Tiến Lộc, đo vẽ năm 2004	
4	Dự án xây dựng và khai thác hạ tầng cụm công nghiệp nghề cá	Công ty TNHH MTV BNB Thanh Hóa	xã Hòa Lộc	1036/QĐ-UBND	04.05.2017	19		19	SKC				19	Tờ bản đồ địa chính số 12, Bản đồ địa chính xã Hòa Lộc, đo vẽ năm 2004	
5	Cửa hàng xăng dầu Đông Cầu De	Công ty cổ phần Năng lượng và Thương mại Sông Mã	xã Minh Lộc	5002/QĐ-UBND	26/12/2016	0,4		0,4	TMD	0,4				Thửa đất số 88, 89, 94, 95, 96, 97, 98, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108 tờ bản đồ số 07, bản đồ địa chính xã Minh Lộc, đo vẽ năm 2004	
6	Tổng					28,2		28,2		8,9			19,3		

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO PHÉP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN HÀ TRUNG

(Kèm theo Quyết định số ~~1729~~ **1729**/QĐ-UBND ngày **31** / **5** /2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	VB chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				Vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất; Quốc phòng, an ninh						3,34		3,34					3,34		
1	Mở rộng đền Hàn Sơn	UBND xã Hà Sơn	xã Hà Sơn	13616/UBND-THKH	24.11.2016	3,3		3,3	TIN				3,3	Thửa số 92, tờ số 22, BĐ ĐC xa Hà Sơn tỷ lệ 1/2.000, đo vẽ năm 1996	
2	Tu bổ và tôn tạo Đền thờ Lại Thế Khanh	UBND xã Hà Giang	xã Hà Giang	599/UBND-THKH	16.01.2017	0,044		0,044	TIN				0,044	Thửa 310 tờ 15, BĐ ĐC năm 1997, tỷ lệ 1/2000	
2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						8,64		8,64		3,48			5,16		
1	Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì Hàn Việt	Bà Trần Thị Mai; Ông Kim Dong-lib; Ông Lee Dong il	xã Hà Đông	4578/QĐ-UBND	24.11.2016	2,5		2,5	SKC	2,4			0,1		
2	kho chứa vật liệu nổ công nghiệp, văn phòng	Công ty TNHH Hoàng Tuấn	xã Hà Tân	13798/UBND-CN	29.11.2016	0,44		0,44	TMD				0,44	135, 136, 137, 142 tờ số 7, BĐĐC Hà Tân, 1997	
3	Xưởng sản xuất chế biến đá ốp lát, mỹ nghệ Hải Hà	Công ty Cổ phần Vận tải Xây dựng Thương mại Hải Hà	xã Hà Đông	4980/QĐ-UBND	23.12.2016	1,4		1,4	SKC	0,58			0,82	26, 44-47, 57, 65, 69, 70, 62 tờ số	6 tỷ
4	mở rộng khai trường xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ khai thác chế biến đá vôi	Công ty TNHH Châu Quý	xã Hà Tân	11627/UBND-CN	10.11.2016	3,8		3,8	SKS				3,8		
5	Cửa hàng xăng dầu	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Đạt Thành	xã Hà Đông	5065/QĐ-UBND	28/12/2016	0,2		0,2	TMD	0,2				Thửa đất số 252, tờ bản đồ số 17, Bản đồ địa chính xã Hà Đông, tỷ lệ 1/2000, đo vẽ năm 2015	

1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
6	Cửa hàng xăng dầu	Công ty TNHH Xây dựng vận tải Xuân Thanh	xã Hà Bình	1386/QĐ-UBND	28.04.2017	0,3		0,3	TMD	0,3				Thửa số 10, 43, tờ 24 BĐ ĐC xã Hà Bình, tỷ lệ 1/2.000, đo vẽ năm 2013	
8	Tổng					11,98		11,98		3,48			8,50		

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO PHÉP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN NGA SON

Kèm theo Quyết định số 1779 /QĐ-UBND ngày 31 / 5 /2017 của UBND tỉnh

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	VB chấp thuận dời địa điểm của UBND tỉnh		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số	Ngày, tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất; Quốc phòng, an ninh						2,46		2,46					2,46		
1	Khôi phục lại di tích lịch sử cách mạng Chùa Thượng	UBND xã Nga Thắng	Xã Nga Thắng	456/QĐ-UBND	13.02.2017	0,2	TON	0,2					0,2	thửa số 643, tờ số 10, BDDC 2000	
2	Trung tâm TDTT huyện Nga Sơn theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BT)	Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Việt Hưng và Công ty cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Hoàng Long	Thị trấn Nga Sơn	1313/QĐ-UBND	15.04.2016	1,7	DTT	1,7					1,7		
3	Đầu tư xây dựng công trình kiên cố kênh Hưng Long theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BT)	Liên danh Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Hoàng Long và Công ty TNHH Thương mại Phú Sơn	Thị trấn Nga Sơn	3933/QĐ-UBND	11.10.2016	0,56	DTL	0,56					0,56		
2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						0,09		0,09					0,09		
1	Cửa hàng xăng dầu	Công ty TNHH Đại Phong	Xã Nga An	857/QĐ-UBND	24.03.2017	0,09	TMD	0,09					0,09	thửa 1769, tờ số 8 BĐ ĐC 2002	
4	Tổng					2,55		2,55					2,55		

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN THIỆU HÓA

(Kèm theo Quyết định số ~~1779~~ **1779**/QĐ-UBND ngày **31** / **5** /2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	VB chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh	Ngày Tháng	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				Vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số						Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
I	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						1,07		1,07		0,45			0,62		
1	Bãi tập kết hàng hóa, vật liệu xây dựng	Công ty TNHH Trần Đức Thái	xã Thiệu Phúc	4189/QĐ-UBND	28.10.2016	0,25		0,25	TMD				0,25	một phần thửa đất số 115, tờ bản đồ số 14 và một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính xã Thiệu Phúc tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2006	
2	Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp	Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng và Thương mại Hoàng Gia	thị trấn Vạn Hà	669/QĐ-UBND	03.03.2017	0,45		0,45	TMD	0,45				thửa số 42, 43, 24, một phần 20, 21, 22 tờ số 31 BD 2010	
3	Cơ sở sản xuất kinh doanh tơ Thanh Đức	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Thanh Đức	Thiệu Đô	975/QĐ-UBND	31.03.2017	0,25		0,25	SKC				0,25	thửa 1279 tờ số 06 BD ĐC, đo đạc 2011	
4	Cửa hàng xăng dầu	Công ty TNHH Tâm Nam	xã Thiệu Viên	2636/QĐ-UBND	18.07.2016	0,062		0,062	TMD				0,062	thửa số 180, tờ bản đồ số 15, bản đồ địa chính xã Thiệu Viên, tỷ lệ 1/2000, đo vẽ năm 2011	
5	Cửa hàng xăng dầu	Doanh nghiệp tư nhân Xuân Quý	xã Thiệu Tâm	1359/QĐ-UBND	27.04.2017	0,06		0,06	TMD				0,06	thửa số 658, 757, tờ bản đồ số 12	
5	Tổng					1,07		1,07		0,45			0,62		

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO PHÉP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN TRIỆU SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	VB chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng và mục đích	Chi tiết				vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất; Quốc phòng, an ninh						6,8		6,8		6,4			0,4		
1	khải phục và tôn tạo Chùa Di Linh	UBND xã Hợp Lý	Xã Hợp Lý	226/QĐ-UBND	19.01.2017	0,4		0,4	TON				0,4	583, 586, 587, 695, tờ số 37 BĐBC 2011, 1/2000	
2	Nhà máy xử lý Hệ thống nước sạch nông thôn	Công ty cổ phần Việt Thanh VnC	Xã Tân Ninh	1242/QĐ-UBND	20/4/2017	6,4		6,4	DTL	6,4				507, 508, 572, 631, 633, 733, 830, 2132, 630, 633, 630, 373 đến 575, 648, 649, 657 đến 659, 732, 733, 739, 740, 827, 828, 833, 832, 831, 921, 923, 924, 925, 926, 927, 928, 929, 930, 931, 932, 933, 1038, 1037, 1036, 1039, 1040, 1041, 1043, 1030, 1031, 1032, 1033, 1034, 1035, 936, 937, 935, 922, 920, 834, 826, 742, 731, 730, 660, 661, 727, 728, 729, 744, 745, 746, 824, 825, 835, 919, 941, 938, 939, 940, 1027, 1026, 1049, 1048, 1047, 1028, 1029, 1045, 1044, 1042, 1046, 1141, 1140, 1139, 1138, 1137, 1136, 1052, 1023, 1024, 1025, 942, 1022, 943, 917, 918, 836, 916, 915, 839, 840, 837, 2096, 2094, 838, 823, 822, 821, 820, 819, 747, 748, 726, 750, 749, 818, 817, 816, 934, 842, 841, 912, 913, 914, 911, 2099, 945, 944, 1020, 2021, 1056, 1019, 1055, 1054, 1053, 1135, 1134, 1133, 1142, 1143, 1144, 1234, 1233, 1232, 1231, 1230, 1229, 1227, 1226, 1243, 1244, 1224, 1223, 1152, 1151, 1150, 1225, 1125, 1124, 1126, 1149, 1148, 1061, 1060, 1059, 1127, 1128, 1147, 1228, 1146, 1145, 1130, 1131, 1132, 1057, 1129, 1058, 1016, 1017, 1018, 2145, 946, 947, 948, 1014, 1015, 1062, 1013, 1064, 1063, 1065, 1132	
2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						2,40		2,40		2,35			0,05		
1	Cửa hàng xăng dầu	Doanh nghiệp tư nhân Thủy Thành	Xã Hợp Thắng	4116/QĐ-UBND	24/10/2016	0,05		0,05	TMD				0,05		
2	Cửa hàng kinh doanh thương mại tổng hợp	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng - Xuất nhập khẩu thương mại Việt Lúa	Xã Đồng Lợi	5078/QĐ-UBND	29.12.2016	0,25		0,25	TMD	0,25				thửa số 708, 752, 753, 754, 758 tờ số 14	
3	Xây dựng trang trại nuôi bò thịt, bò sữa, bò giống chất lượng cao tập trung	Công ty TNHH Dream F Vina	Xã Đồng Lợi	199/QĐ-UBND	18.01.2017	2,1		2,1	NKH	2,1				556, 557, 569, 570, 610, 611, 612, 624, 625, 626, 627, 679, 680, 691, 692, 693, 728, 741, 742, 702, 727, 769, tờ 14 BĐBC 2014 tỷ lệ 1/2000	
5	Tổng					9,20		9,20		8,75			0,45		

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHỜ THIẾT THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2013 HUYỆN YÊN ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 31 / 5 /2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	Số		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất; Quốc phòng, an ninh						65,4		65,4		9,3			56,1		
1	Nhà máy nước Quý Lộc	Công ty Cổ phần Shakito - Vũ	xã Quý Lộc	668/QĐ-UBND	03.03.2017	0,5		0,5	DTL				0,5	một phần thửa số 801, tờ 36 BDDC 2013	
2	Nhà máy điện mặt trời	Liên doanh Công ty cổ phần Năng lượng Sông Lam Sơn La và Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Sông Lam	xã Yên Thái	1540/QĐ-UBND	11.05.2017	64,9		64,9	DNL	9,3			55,6	Tờ bản đồ số 20, 21, 24, bản đồ địa chính xã Yên Thái, tỷ lệ 1/2000, do vẽ năm 2013	
2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						1,38		1,38		0,43			0,95		
1	Cửa hàng xăng dầu Yên Lạc	Doanh nghiệp tư nhân Xăng dầu Hiến Trung	xã Yên Lạc	4347/QĐ-UBND	07.11.2016	0,08		0,08	TMD	0,08				thửa đất số 21, 22 tờ bản đồ số 6 và một phần thửa đất số 1395, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã Yên Lạc tỷ lệ 1/2000 do vẽ năm 2013	
2	Cụm kho chứa vật liệu nổ công nghiệp	Doanh nghiệp Phương Hương, Doanh nghiệp Tiến Thành và Công ty Tây Thành	xã Yên Lâm	12/UBND-CN	03.01.2017	0,3		0,3	SKS				0,3	Thửa số 16 và số 22, tờ số 41 BĐ ĐC 2012, 1/2.000	
3	Văn phòng làm việc và kinh doanh, dịch vụ vật liệu xây dựng	Công ty CP TV TK XD GTTL Hồng Quân	Thị trấn Quán Láo	2106/QĐ-UBND	17.06.2016	0,35		0,35	TMD	0,35				một phần thửa số 11, 23 tờ số 50; thửa số 9, 14, 24 tờ 51 BDDC Quán Láo, 2013	
4	Nhà máy gạch không nung	Công ty cổ phần Lê Gia Thịnh	xã Yên Lâm	1302/UBND-NN	10.02.2017	0,5		0,5	SKC				0,5	Vị trí khu đất được xác định tại thửa số 103, tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã Yên Lâm do vẽ năm 2012, tỷ lệ 1/2000	
5	Cửa hàng xăng dầu Yên Lạc	Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Trí Đức	xã Định Tường	1360/QĐ-UBND	10.03.2017	0,09		0,09	TMD				0,09	Thửa số 627, tờ số 25, bản đồ địa chính xã Định Tường do vẽ năm 2013, tỷ lệ 1/2000	
6	Cửa hàng xăng dầu Phố Kiêu	Cửa hàng xăng dầu Phố Kiêu-Doanh nghiệp tư nhân	xã Yên Trường	1498/QĐ-UBND	09.05.2017	0,06		0,06	TMD				0,06	Thửa số 489, 34, 35, tờ bản đồ số 15, bản đồ địa chính xã Yên Trường tỷ lệ 1/2000, do vẽ năm 2013	
8	Tổng					66,78		66,78		9,73			57,05		

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHẤP THUẬN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN TỈNH GIA

(Kèm theo Quyết định số **1719** /QĐ-UBND ngày **31 / 5** /2017 của UBND tỉnh)



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	Số	Ngày Tháng	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				Vị trí trên VB chấp thuận	Ghi chú
										Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất; Quốc phòng, an ninh						112,86		112,86		6,15			106,71		
1	Nhà trực vận hành xã Phú Lâm, huyện Tĩnh Gia - Điện lực Tĩnh Gia	Công ty điện lực Tĩnh Gia	xã Phú Lâm	14033/UBND-THKH	06.12.2016	0,03		0,03	DNL				0,03	Thửa đất số 508, 509, 510 tờ bản đồ số 13, BD ĐC xã Phú Lâm, tỷ lệ 1/2000, đo vẽ năm 1998	
2	Khu đất làm thao trường huấn luyện	Sư đoàn 341	xã Nguyễn Bình	1479/UBND-NN	17.02.2017	4		4	CQP	4				Thuộc tờ bản đồ số 13 Bản đồ địa chính xã Nguyễn Bình, tỷ lệ 1/2.000, đo đạc năm 1998	
3	Mở rộng trụ sở	Sư đoàn 341	xã Nguyễn Bình	1479/UBND-NN	17.02.2017	0,8		0,8	CQP	0,8				thuộc tờ bản đồ số 13 Bản đồ địa chính xã Nguyễn Bình, tỷ lệ 1/2.000, đo đạc năm 1998	
4	Mở rộng dự án Nhà máy xử lý chất thải tập trung	Công ty cổ phần Môi trường Nghi Sơn	xã Trường Lâm	4654/UBND-CN	03.05.2017	45		45	DRA				45	Tờ số 30, 31, 118, 119 BD ĐC xã Trường Lâm, tỷ lệ 1/2.000, đo vẽ năm 2011	
5	Trung tâm đào tạo nghề Tập đoàn Hong Fu	Công ty Công ty TNHH Giấy Annora Việt Nam	Khu kinh tế Nghi Sơn (xã Bình Minh, xã Nguyễn Bình)	4312/QĐ-UBND (điều chỉnh tại Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 07/3/2017)	02.11.2016	5		5	DGD				5	Lô 50 QH chung TT Vùng huyện TG	
6	Mở rộng Nhà máy chế biến hải sản và sản xuất đá lạnh Nghi Sơn	Công ty Cổ phần Sông Việt Thanh Hóa	xã Hải Bình	13/QĐ-UBND	03.01.2017	0,82		0,82	SKC				0,82		
7	Xưởng sản xuất, chế biến gỗ và đồ gỗ mỹ nghệ	Công ty TNHH Đoàn Thủy Nghi Sơn	Khu kinh tế Nghi Sơn (xã Hải Bình)	157/QĐ-UBND	16.01.2017	0,4		0,4	SKC				0,4		
8	Xưởng sản xuất gia công và kinh doanh ngư cụ phục vụ nghề biển khu vực Cảng cá Lạch Bạng	Công ty TNHH Thanh Hóa Nghi Sơn	xã Hải Bình (Khu kinh tế Nghi Sơn)	156/QĐ-UBND	16.01.2017	0,4		0,4	SKC				0,4		
9	Nhà máy chế biến lâm sản Minh Long 68	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Long 68	Khu kinh tế Nghi Sơn (Trường Lâm)	379/QĐ-UBND	07.02.2017	0,9		0,9	SKC				0,9		
10	Làng ven hồ - Lakeside Village	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Việt Nam	Khu kinh tế Nghi Sơn	582/QĐ-UBND	24.02.2017	45		45	TMD				45		
11	Khu tổ hợp dịch vụ chăm sóc sức khỏe	Công ty TNHH Dịch vụ Y tế Thiên Long	Khu kinh tế Nghi Sơn (xã Hải Châu)	657/QĐ-UBND	03.03.2017	1		1	TMD	1				Lô 02 TMD QH chung Đô thị Hải Ninh	

1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
12	Xưởng sửa chữa tàu thuyền Minh Quân	Công ty TNHH Minh Quân	Khu kinh tế Nghi Sơn	821/QĐ-UBND	20.03.2017	0,1		0,1	SKC				0,1	Lô TTCN 7 Quy hoạch khu đô thị số 03 KKT NS	
13	Mở rộng Trường trung cấp nghề Hưng Đô	Tổng Công ty Xây dựng và Thương mại Hưng Đô	xã Xuân Đám	4779/QĐ-UBND	12.12.2016	0,33		0,33	DGD	0,31			0,02		
14	Trạm dừng nghỉ và hậu cần Quốc tế Nghi Sơn	Công ty cổ phần Fuhucorp	xã Túng Lâm	1265/QĐ-UBND	24.04.2017	7,5		7,5	TMD				7,5	Thửa số 67, 69 tờ số 10; số 3,7,20 tờ số 11; số 1,3,4,5,6 tờ số 12 BD DC xã Túng Lâm	
15	Đất ngoài mộ cửa hàng xăng dầu Trường Lâm 888	UBND huyện Tĩnh Gia	xã Trường Lâm	4730/UBND-NN	04.05.2017	0,72		0,72	TMD	0,0363			0,6837		
16	Nhà máy sản xuất nước mắm và chế biến hải sản Nghi Sơn	Công ty CP Dịch vụ Thương mại Sông Mã	xã Hải Bình	433/UBND-THKH	17.01.2013	0,86		0,86	SKC				0,86	Lô CN1 Cụm CN Hải Bình	
2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						133,83		133,83		23,50	29,40		80,93		
1	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình nuôi ốc hương	Công ty TNHH Quang Thịnh	xã Hải Lĩnh	4220/QĐ-UBND	28.10.2016	2,7		2,7	NKH		2,7			Tờ 27, tờ số 40, BDDC xã Hải Lĩnh, tỷ lệ 1/1000, năm 2005	
2	Trung tâm chuyển giao công nghệ và đóng gói hàng thủy sản xuất khẩu	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Thái Sơn	xã Hải Thanh	4549/QĐ-UBND	23.11.2016	2		2	TMD	1,2			0,8		
3	TT Vincom+ Tĩnh Gia Thanh Hóa	Công ty TNHH Vincom Retail Miền Bắc	xã Nguyên Bình	489/QĐ-UBND	15.02.2017	1,21		1,21	TMD				1,21		
4	Tổ hợp Du lịch nghỉ dưỡng biển Hải Hòa	Công ty cổ phần Hiền Đức	xã Hải Hòa	Giấy chứng nhận đầu tư số 261210000015 ngày 07/11/2007. Công văn số 10427/UBND-THKH ngày 31/10/2014 về việc giãn tiến độ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư. Công văn số 10437/UBND-THKH ngày 14/9/2016 của UBND tỉnh về việc cho phép giãn tiến độ thực hiện dự án		10,7		10,7	TMD		5		5,7		
5	Khu thương mại dịch vụ Sơn Thanh Phong	Công ty TNHH Thương mại Sơn Thanh Phong	xã Nguyên Bình	1457/QĐ-UBND	05.05.2017	0,22		0,22	TMD				0,22	Khu đất chợ Khu tái định cư xã Hải Yến	
6	Khu đô thị du lịch sinh thái Tân Dân	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	xã Tân Dân	8125/UBND-THKH	11.10.2013	117		117	ODT	22,3	21,7		73		
22	Tổng					246,69		246,69		29,65	29,4		187,64		

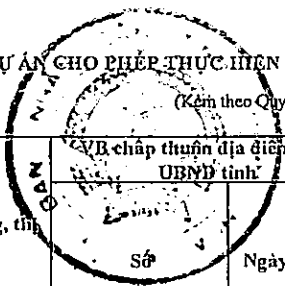
CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO PHÁP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN NÔNG CỐNG

Kiểm tra Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 31 / 5 /2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	VB chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				Vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						3,79		3,79		1,67			2,12		
1	Dự án mở rộng khai trường để làm mặt bằng sản xuất chế biến đá và xây dựng kho chứa vật liệu nổ công nghiệp	Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại Hà Liên	xã Tân Phúc	4260/UBND-CN	24.04.2017	2,67		2,67	SKC	1,67			1	Vị trí thuộc các thửa đất số 231, 269, 270, 271, 306, 308, 381, 419, 420, 421, 446 và một phần diện tích đất hoang chân núi không thửa số, tờ bản đồ số 08 và các thửa đất số 1, 2, 465, 500, tờ bản đồ số 9 bản đồ địa chính xã Tân Phúc, tỷ lệ 1/2000, đo vẽ năm 2003	
2	Mở rộng dự án xây dựng văn phòng và cơ sở kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ	Doanh nghiệp Khai thác vật liệu xây dựng và Xây dựng kỹ thuật hạ tầng Nông Công	thị trấn Nông Công	14343/UBND-NN	13.12.2016	0,01		0,01	TMD, SKC				0,01	Một phần thửa số 176, tờ bản đồ số 15, bản đồ địa chính thị trấn Nông Công đo vẽ năm 2010	
3	Trang trại chăn nuôi lợn ngoại tập trung kết hợp nuôi trồng thủy sản	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mạnh Thiệp	xã Tế Lợi	1541/QĐ-UBND	11.05.2017	1,11		1,11	NKH				1,11	Thửa số 13, 16, tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính xã Tế Lợi đo vẽ năm 2011; thửa số 19, tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính xã Minh Thọ cũ (nay là thị trấn Nông Công) đo vẽ năm 2001	
3	Tổng					3,79		3,79		1,67			2,12		

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO PHÉP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN NGỌC LẠC

(Kèm theo Quyết định số: ~~1779~~ ¹⁷⁷⁹ /QĐ-UBND ngày 31 / 5 /2017 của UBND tỉnh)



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	VB chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ln)	Diện tích tăng thêm (ln)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ln)	Đất rừng phòng hộ (ln)	Đất rừng đặc dụng (ln)	Đất khác (ln)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất; Quốc phòng, an ninh						150		150					150		
1	Nhà máy điện năng lượng mặt trời	Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Du lịch Hoàng Sơn	xã Kiên Thọ	324/QĐ-UBND	25.01.2017	150		150	DNL				150	Tờ số 15,20, 24, 50, 53, 63, 70 BĐ ĐC 2003	
2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						6,41		6,41		5,90			0,51		
1	Xây dựng nhà máy may Việt Pan - Pacific	Công ty TNHH Việt Pan - Pacific	Ngọc Khê, thị trấn Ngọc Lặc	4555/QĐ-UBND	23/11/2016	4,3		4,3	SKC	4,3				Tờ bản đồ số 31, 32, 35, bản đồ địa chính xã Ngọc Khê tỷ lệ 1/2.000 do vẽ năm 2005 và các tờ bản đồ số 17, 19 bản đồ địa chính thị trấn Ngọc Lặc tỷ lệ 1/1.000 do vẽ năm 2000	
2	Cửa hàng xăng dầu	Công ty Cổ phần Thương mại Miền núi Thanh Hoá	xã Kiên Thọ	29/QĐ-UBND	05.01.2017	0,11		0,11	TMD				0,11	Tờ số 532, tờ số 36, BĐ ĐC 2006	
3	Trộn trộn bê tông thương phẩm và kho vật liệu xây dựng	Tổng Công ty Đầu tư Hà Thanh	xã Quang Trung	201/QĐ-UBND	18.01.2017	0,4		0,4	SKC				0,4	Tờ số 30 tờ 20 BĐ ĐC 2006 tỷ lệ 1/2000	
4	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Ngọc Nhâm	Công ty TNHH TM Ngọc Nhâm	xã Ngọc Khê, thị trấn Ngọc Lặc	1267/QĐ-UBND	24.04.2017	1,6		1,6	TMD	1,6				Tờ số 09, số 06 BĐ ĐC TT Ngọc Lặc; tờ số 19 BĐ ĐC xã Ngọc Khê	
5	Tổng					156,41		156,41		5,90			150,51		

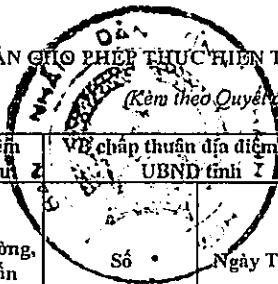
CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO THUÊ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN CẨM THỦY

Xem theo Quyết định số: 1779/QĐ-UBND ngày 31 / 5 /2017 của UBND tỉnh

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	VB chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				Vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						0,40		0,40					0,40		
1	Bãi tập kết kinh doanh cát, sỏi	Doanh nghiệp tư nhân Văn Lộc	xã Cẩm Vân	718/QĐ-UBND	09.03.2017	0,4		0,4	TMD				0,4	thửa số 04, tờ số 22 BD ĐC 2005	
1	Tổng					0,4		0,4					0,4		

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO PHÉP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN THẠCH THÀNH

(Kèm theo Quyết định số **1779** /QĐ-UBND ngày **31 / 5** /2017 của UBND tỉnh)



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	VB chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất; Quốc phòng, an ninh						3,8		3,8					3,8		
1	Nhà máy chế biến lâm sản Thạch Thành	Công ty Cổ phần Dokata	Khu công nghiệp Thạch Quảng, xã Thạch Lâm	4226/QĐ-UBND	28.10.2016	3,8		3,8	SKK				3,8	Tờ số 48, BDDC Thạch Tượng, 3008	
2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						54,04		54,04		0,29			53,75		
1	Cửa hàng xăng dầu	Doanh nghiệp tư nhân Xăng dầu Toàn Minh	xã Thạch Cẩm	4709/QĐ-UBND	05.12.2016	0,05		0,05	TMD				0,05	Số 288, tờ 6, BD DC thạch cẩm 2008	2,3 tỷ
2	Cửa hàng xăng dầu loại III	Doanh nghiệp tư nhân Hùng Lân	xã Thành Long	4544/QĐ-UBND	23/11/2016	0,2		0,2	TMD	0,2				Tại các thửa đất số 146, 184, 185, 186, 187, 235 tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính xã Thành Long, tỷ lệ 1/2000, đo vẽ năm 2007	3,3 tỷ
3	Nâng cấp cửa hàng xăng dầu	Doanh nghiệp tư nhân Xăng dầu Thạch Bình	xã Thạch Bình	3800/QĐ-UBND	03/10/2016	0,092		0,092	TMD	0,092				Các thửa số 163, 182, tờ số 14, Bản đồ địa chính xã Thạch Tân, tỷ lệ 1/2000, đo vẽ năm 2007	
4	Dự án trồng cây ăn quả Cam - Bưởi công nghệ cao	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thủy Ngọc	xã Thành Vân	1510/QĐ-UBND	10.05.2017	53,7		53,7	NKH				53,7	Vị trí 1: khoảnh 08, lô 01, tiểu khu 336 xã Thành Tân và khoảnh 10, lô 02, tiểu khu 336 xã Thành Vân thuộc Bản đồ 03 loại rừng. Vị trí 2: khoảnh 140, lô 03 và khoảnh 11, lô 1, tiểu khu 336 xã Thành Vân thuộc Bản đồ 03 loại rừng. Vị trí 3: khoảnh 08, lô 02 và khoảnh 10, lô 01, tiểu khu 336 xã Thành Tân thuộc Bản đồ 03 loại rừng. Vị trí 3: khoảnh 10A và 10B tiểu khu 336 xã Thành Vân thuộc tờ bản đồ quy hoạch 3 loại rừng	
5	Tổng					57,84		57,84		0,29			57,55		

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO PHÉP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN VINH LỘC

(Kèm theo Quyết định số **1779**/QĐ-UBND ngày **31 / 5** /2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	VB chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				Vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						1,95		1,95		0,97			0,98		
1	Xưởng sản xuất đá mỹ nghệ tại mỏ đá núi Bền	Công ty Cp Đầu tư AMD	xã Vĩnh Minh	1549/UBND-CN	20.02.2017	0,97		0,97	SKC	0,97				269, 279, 298, 299, 306, 327, 366, tờ số 22 BD ĐC 2010	
2	Bãi lập kết cát	Công ty cổ phần Thương mại Đức Lộc	Vĩnh Ninh	1402/QĐ-UBND	28/4/2017	0,98		0,98	TMD				0,983	thuộc các thửa đất số 141, 254, tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính xã Vĩnh Ninh, tỷ lệ 1/2.000 đo vẽ năm 2003	
2	Tổng					1,95		1,95		0,97			0,98		

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO PHÉP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN THỌ XUÂN

(Kèm theo Quyết định số **4739** QĐ-UBND ngày **31/5** /2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	VB chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất; Quốc phòng, an ninh						177,1		177,1					177,1		
1	Bến xe Lam Sơn - Sao Vàng, kết hợp kinh doanh dịch vụ thương mại	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long, Hà Nội	xã Xuân Thắng	327/QĐ-UBND	25.01.2017	4		4	DGT					4	thửa số 01 tờ 11 BDDC 2007
2	Dự án số 2, Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	xã Xuân Thắng	1090/UBND-THKH	03.02.2017	70,69		70,69	ONT				70,69		
3	Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam	Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn	Xuân Bái, Xuân Phú, Thọ Xương	1638/QĐ-UBND	13.05.2016	102,38		102,38	DKV, TMD				102,38		
2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						39,63		39,63		4,90			34,73		
1	Khu tổng hợp dịch vụ thương mại Quỳnh Mạnh	Công ty TNHH Quỳnh Mạnh	xã Thọ Xương	4554/QĐ-UBND	23.11.2016	0,4		0,4	TMD	0,4				5690, 590, 620, 638, 629 tờ số 33	
2	Trang trại chăn nuôi, sản xuất rau hoa quả sạch Ngõi Sao	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư phát triển nông thôn Miền Tây	xã Xuân Phú	843/QĐ-UBND	22.03.2017	34		34	NKH	2				32	6, 11, 15, 21, 22, 23, 27, 28, 31, 32, 39, 10, 7, 8, 19, 24, 26, 30, 33, 34, 36, 37, 38, 40, 41, 42, 29 tờ số 10; thửa số 2, 25, 27, 110, 111, 135, 136, 146, 147, 148, 57, 55, 56, 65, 158, 159, 164, 100, 187, 78, 63, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 56, 57, 58, 60, 61, 62, 59, 64, 65, 66, 31, 34, 28, 29, 30, 32, 33, 23, 24, 22, 21, 20, 17, 18, 16, 6, 19, 5, 7, 8, 4, 9, 10, 3, 12, 13, 14, 15 tờ số 17, các thửa số 561, 18, 24, 29, 35, 36 tờ số 618, BD 2000.

1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
3	Khu thể thao, vui chơi giải trí Thọ Xuân	Công ty TNHH Tân An	xã Tây Hồ, thị trấn Thọ Xuân	1136/QĐ-UBND	13.04.2017	2,5		2,5	TMD	2,5				Thửa 437, 459, 460, 461, tờ số 46; thửa số 134, 139, 144, 145 tờ số 47, bản đồ thị trấn Thọ Xuân. Thửa số 10 đến 14, 33 đến 44, 60 đến 65, 67 đến 74, 87 đến 97, 99 đến 104, 127 đến 134, 154 đến 163, 173, tờ số 01 và thửa số 7 đến 12, 18, 19, 39, 40, tờ số 4, bản đồ địa chính xã Tây Hồ	
4	Cửa hàng xăng dầu Lam Sơn	Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Thọ Xương	3444/UBND-NN	04.04.2017	0,18		0,18	TMD				0,18	thửa đất số 140, 333, 334, tờ bản đồ số 42	
5	Bãi tập kết, kinh doanh cát làm vật liệu xây dựng	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Cường Mạnh	xã Xuân Khánh	999/QĐ-UBND	03.04.2017	0,4		0,4	TMD				0,4	một phần thửa số 248, tờ bản đồ số 11	
6	Bãi tập kết, kinh doanh cát làm vật liệu xây dựng	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Cường Mạnh	xã Thọ Lâm	999/QĐ-UBND	03.04.2017	0,4		0,4	TMD				0,4	một phần thửa số 02, tờ bản đồ số 5	
7	bãi tập kết kinh doanh cát làm vật liệu xây dựng	Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Sơn Vũ	Xuân Lam	1440/QĐ-UBND	05.04.2017	0,75		0,75	TMD				0,75	một phần các thửa đất số 12, 13, tờ bản đồ số 22, bản đồ địa chính xã Xuân Lam, tỷ lệ 1/2.000 do vẽ năm 2015	
8	bãi tập kết kinh doanh cát làm vật liệu xây dựng	Công ty cổ phần khoáng sản Phong Thủy	xã Xuân Thành	1494/QĐ-UBND	09.05.2017	1		1	TMD				1	thửa số 02, tờ số 14, BD ĐC 2003, tỷ lệ 1/2.000	
11	Tổng					216,70		216,70		4,90			211,80		

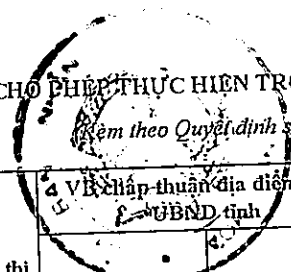
CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO PHÁP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN NHƯ THANH

(Kèm theo Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	VB chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				Vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
I	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất; Quốc phòng, an ninh						0,06		0,06					0,06		
1	Nhà trực vận hành	Công ty điện lực Nông Cống	Xã Thanh Tân	14033/UBND-THKH	06.12.2016	0,06		0,06	DNL				0,06	thửa đất số 79 tờ bản đồ số 39, BĐ ĐC xã Thanh Tân, tỷ lệ 1/2000, đo vẽ năm 2007	
2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						5,34		5,34		3,50			1,84		
1	Nhà máy chế biến nông, lâm sản Như Thanh	Công ty Cổ phần Xuân Sơn	Xã Phụng Nghi	4872/QĐ-UBND	16.12.2016	0,42		0,42	SKC				0,42	thửa số 51, tờ số 3, BĐ ĐC xã Phụng Nghi, 1/2000, 2007	
2	Cơ sở sản xuất, chế biến lâm sản Nguyễn Ngọc Mai	Ông Nguyễn Ngọc Mai	Xã Cán Khê	4871/QĐ-UBND	16.12.2016	0,49		0,49	SKC				0,49	thửa số 139, tờ số 01, BĐ ĐC, tỷ lệ 1/2000, 1996	
3	Trang trại trồng oải ăn quả kết hợp nuôi gà Đông Tảo	Công ty TNHH MTV Tấn Thịnh Phát	Xã Xuân Du	4891/QĐ-UBND	19.12.2016	3,5		3,5	NKH	3,5				tờ bản đồ số 06 bản đồ địa chính xã Xuân Du, huyện Như Thanh tỷ lệ 1/2000, đo vẽ năm 2007	
4	Trạm trộn bê tông thương phẩm	Tổng Công ty Đầu tư Hà Thanh	Xã Hải Long	200/QĐ-UBND	18.01.2017	0,4		0,4	SKC				0,4	tờ 9, khoảnh 1, tiểu khu 596, bản đồ giao đất lâm nghiệp xã Hải Long tỷ lệ 1/10.000, lập năm 1996	
5	Kho chứa vật liệu nổ công nghiệp	Công ty TNHH Anh Việt Hương	Xã Xuân Phúc	1932/UBND-CN	28.02.2017	0,08		0,08	SKS				0,08	thửa số 1 tờ 02 BĐ 2007	
6	Nhà máy sản xuất, chế biến gỗ	Công ty TNHH Ngôi Sao Đô Thị	Xã Phú Nhuận	14124/UBND-NN	12.07.2016	0,45		0,45	SKC				0,45	Lô 09, khoảnh 5, tiểu khu 589, tờ BĐ số 01, bản đồ giao đất lâm nghiệp xã Phú Nhuận lập năm 1995	
7	Tổng					5,4		5,4		3,5			1,9		

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHỖ PHẢI THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN NHƯ XUÂN

Kèm theo Quyết định số **1779** /QĐ-UBND ngày **31 / 5** /2017 của UBND tỉnh



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	VB chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						2,71		2,71					2,71		
1	Trụ sở làm việc của Ủy ban dân cư xã Bình Minh	Quý tín dụng nhân dân cơ sở Bình Minh	thị trấn Yên Cát	4265/QĐ-UBND	01.11.2016	0,04		0,04	TMD					0,04	thửa 73, tờ bản đồ số 10, bđ đc thị trấn Yên Cát, đo vẽ năm 2009
2	Cửa hàng xăng dầu	Doanh nghiệp tư nhân Huy Hoàng Dầu	xã Xuân Bình	4940/QĐ-UBND	22.12.2016	0,05		0,05	TMD					0,05	thửa số 33, tờ số 20 BĐ ĐC 2006
3	Kho chứa vật liệu nổ công nghiệp	Công ty TNHH Yên Bình	xã Thanh Phong	14745/UBND-CN	23.12.2016	0,22		0,22	SKS					0,22	tờ số 28, BĐ ĐC 2009
4	Khu sản xuất dịch vụ thương mại tổng hợp	Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thương mại LHD	xã Bãi Trành	583/QĐ-UBND	24/02/2017	2,4		2,4	TMD, SKC					2,4	thửa 01, tờ số 20, BĐ ĐC 2006
4	Tổng					2,71		2,71						2,71	

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO PHÉP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN THƯỜNG XUÂN
(Kèm theo Quyết định số **1779** /QĐ-UBND ngày **31 / 5** /2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	VB chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				Vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						58,01		58,01					58,01		
1	Cửa hàng xăng dầu	Doanh nghiệp tư nhân Thương mại xăng dầu Hùng Ngọc	xã Yên Nhân	1084/QĐ-UBND	04.11.2017	0,06		0,06	TMD				0,06	thửa 24, tờ số 84, BD ĐC 2009	
2	Bãi tập kết kinh doanh cát làm vật liệu xây dựng	Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Sơn Vũ	xã Ngọc Phụng	1440/QĐ-UBND	05.04.2017	0,75		0,75	TMD				0,75	các thửa đất số 91, 92, 109, 110, 71, 90, 108, 113, 26, 126, 131, 132, 133, 130, 129, 143, 127, 72, 128, 147, 70, 112, 93, 455 tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã Ngọc Phụng, tỷ lệ 1/2.000 đo vẽ năm 2008	
3	Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam	Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn	Thọ Thanh	1638/QĐ-UBND	13.05.2016	57,2		57,2	DKV, TMD				57,2		
3	Tổng					58,01		58,01					58,01		

CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHỜ PHÉP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN LANG CHÁNH

(Kèm theo Quyết định số **1779**/QĐ-UBND ngày **31** / **5** /2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, phường, thị trấn	VB chấp thuận địa điểm của UBND tỉnh		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào mục đích	Chi tiết				Vị trí theo VB chấp thuận	Ghi chú
				Số	Ngày Tháng					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9=11+12+13+14	10	11	12	13	14	15	16
1. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất						0,45		0,45					0,45		
1	Nhà máy gạch không nung Lang Chánh	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Nam Vy	xã Quang Hiến	3950/QĐ-UBND	10.12.2016	0,45		0,45	SKC				0,45	Lô 4 Khoảnh 2 Tiểu khu 403, Bản đồ giao đất LN xã Quang Hiến lập năm 1996	
1	Tổng					0,45		0,45					0,45		